**The Thirty Verses of Vasubandhu**

**(Triṁśikāvijñaptikārikāḥ)**

**Thích Nhất Hạnh** **Thích Nhất Hạnh**



**(English)** **(Tiếng Việt)**

**Hsuan Tsang**

唯識三十頌

* ātmadharmopacāro hi vividho yaḥ pravartate | vijñānapariṇāme 'sau pariṇāmaḥ sa ca tridhā ||
* vipāko mananākhyaśca vijñaptirviṣayasya ca | tatrālayākhyaṁ vijñānaṁ vipākaḥ sarvabījakam ||
* asaṁviditakopādisthānavijñaptikaṁ ca tat | sadā sparśamanaskāravitsaṁjñācetanānvitam ||
* upekṣā vedanā tatrānivṛtāvyākṛtaṁ ca tat | tathā sparśādayastacca vartate srotasaughavat ||
* tasya vyāvṛttirarhatve tadāśritya pravartate | tadālambaṁ manonāma vijñānaṁ mananātmakam ||
* kleśaiścaturbhiḥ sahitaṁ nivṛtāvyākṛtaiḥ sadā | ātmadṛṣṭyātmamohātmamānātmasnehasaṁjñitaiḥ ||
* yatrajastanmayairanyaiḥ sparśādyaiścārhato na tat | na nirodhasamāpattau mārge lokottare na ca ||
* dvitīyaḥ pariṇāmo 'yaṁ tṛtīyaḥ ṣaḍvidhasya yā | viṣayasyopalabdhiḥ sā kuśalākuśalādvayā ||

The metaphors of *self* and *dharmas*, which function in so many different ways, take place in the transformation of consciousness. This transformation is of three kinds:

*Maturation*, *mentation*, and the *perception of sense-objects*. Among these, maturation is theconsciousness called *store,* which has all the seeds.

Its appropriations and its manifestation of locality cannot be known intellectually. It is always associated with contact, mental attention, feeling, perception, and volition.

Its feelings are neutral. It is unobstructed and indeterminate. The same is true of its contact, etc. It functions like the current of a river.

Its release takes place at the state of an arhat. Dependent on it and having it as an object is the consciousness named *manas*, its nature being mentation.

Manas is always conjoined with the four afflictions, obstructed but indeterminate, known as self-view, self-confusion, self-pride, and self-love.

It arises wherever the other arises, and it arises along with contact and the rest. In the state of arhatship, the attainment of cessation, or on the supramundane path it no longer exists.

That is the second transformation. The third is the perception of the sixfold sense-objects. It is beneficial, unbeneficial, or neither.

Những biểu tượng ngã, pháp Tuy hiện hành nhiều cách Đều do thức chuyển hiện Chuyển hiện nầy có ba:

Là dị thục, tư lương

Rồi đến biểu biệt cảnh

Trước là A-lại-gia

Dị thục, nhất thiết chủng

Không biết được biểu biệt

Cúa chấp thọ và xứ

Thường tương ưng với xúc

Tác ý, thọ, tưởng, tư

Và thọ là xả thọ

Lại vô phú vô ký

Xúc vân, vân... cũng vậy Lưu chuyển như dòng nước

Tới La-hán thì ngưng.

Nương nó khởi duyên nó

Là thức tên Mạt-na

Tính chất là tư lượng

Cùng với bốn phiền não Đều hứu phú vô ký:

Là ngã kiến, ngã si Ngã mạn và ngã ái

Sinh ở đâu theo đó

Xúc vân, vân... cũng vậy

La-hán, diệt tận định

Xuất thế đạo không còn

Đó là thức thứ hai. Thứ ba gồm sáu loại Tức là biểu biệt cảnh Đủ thiện, ác, vô ký

由假說我法有種種相轉彼依識所變此能變唯三

謂異熟思量及了別境識初阿賴耶識異熟一切種

不可知執受處了常與觸作意受想思相應唯捨受

是無覆無記觸等亦如是橫轉如暴流阿羅漢位捨

次第二能變是識名末那依彼轉緣彼思量為性相

四煩惱常俱謂我癡我見并我慢我愛及餘觸等俱

有覆無記攝隨所生所繫阿羅漢滅定出世道無有

次第三能變差別有六種了境為性相善不善俱非

**The Thirty Verses of Vasubandhu**

**(Triṁśikāvijñaptikārikāḥ)**

**Thích Nhất Hạnh** **Thích Nhất Hạnh**



**(English)** **(Tiếng Việt)**

**Hsuan Tsang**

唯識三十頌

* sarvatragairviniyataiḥ kuśalaiścaitasairasau | saṁprayuktā tathā kleśairupakleśaistrivedanā ||
1. ādyāḥ sparśādayaśchandādhimokṣasmṛtayaḥ saha | samādhidhībhyāṁ niyatāḥ śraddhātha hrīrapatrapā ||
2. alobhādi trayaṁ vīryaṁ praśrabdhiḥ sāpramādikā | ahiṁsā kuśalāḥ kleśā rāgapratighamūḍhayaḥ ||
3. mānadṛgvicikitsāśca krodhopanahane punaḥ | mrakṣaḥ pradāśa īrṣyātha mātsaryaṁ saha māyayā ||
4. śāṭhyaṁ mado 'vihiṁsā hrīratrapā styānamuddhavaḥ | āśraddhyamatha kausīdyaṁ pramādo muṣitā smṛtiḥ ||
5. vikṣepo 'saṁprajanyaṁ ca kaukṛtyaṁ middhameva ca | vitarkaśca vicāraścetyupakleśā dvaye dvidhā ||
6. pañcānāṁ mūlavijñāne yathāpratyayamudbhavaḥ | vijñānānāṁ saha na vā taraṅgāṇāṁ yathā jale ||
7. manovijñānasaṁbhūtiḥ sarvadāsaṁjñikādṛte | samāpattidvayānmiddhānmūrchanādapyacittakāt ||

It is always associated with the universals, the determined, the beneficials, as well as with the afflictions and the secondary afflictions. Its feelings are of three kinds.

The universals are contact, etc. The determined are zest, confidence, memory, concentration, and insight. The beneficials are faith, dignity, shame,

absence of greed and absence of the two others, vigour, ease, carefulness, and non-harming. The afflictions are craving, aversion, confusion,

pride, views, and doubt. The secondary afflictions are anger, malice, hypocrisy, cruelty of speech, envy, selfishness, deceitfulness,

guile, mischievous exhuberance, desire to harm, lack of shame, lack of dignity, mental fogginess, excitedness, lack of faith, sloth, carelessness, loss of mindfulness,

distraction, and lack of recognition. The four which can be beneficial or unbeneficial are: regret and torpor, initial mental application and subsequent discursive thought.

In the root consciousness, the five perceptions arise according to conditions, either singly or together, like waves on water.

The manovijnana functions always, except in the state of non-perception in the samapatti samadhi, in sleep, in fainting and in the no-mind state.

Tương ưng các tâm sở

Biến hành, biệt cảnh, thiện,

Phiền não, tùy phiền não

Và ba loại cảm thọ.

Đầu là xúc, vân vân...

Rồi biệt cảnh là dục,

Thắng giải, niệm, định, huệ

Thiện là tín, tàm, quý,

Vô tham, hai thứ nữa

Cần an, bất phóng dật,

Hành xả cùng bất hại.

Phiền não: tham, sân, si,

Lại có mạn, kiến, nghi

Rồi đến tùy phiền não

Là phẫn, hận, và phú,

Não, tật, xan, rồi siễm

Cuống, kiêu, hại, vô tàm

Vô quý rồi hôn trầm

Trạo cử và bất tín,

Giải đãi, dật, thất niệm

Tán loạn, bất chánh tri Hối, miên và tầm, từ Hai thứ, mỗi thứ hai Đó là tùy phiền não.

Nương vào thức căn bản

Năm thửc tùy duyên hiện

Hoặc cùng hoặc không cùng

Như sóng nương vào nước

* thức thường hiện khởi Trừ ở cõi vô tưởng Trong hai định vô tâm Ngủ say và bất tỉnh

此心所遍行別境善煩惱隨煩惱不定皆三受相應

初遍行觸等次別境謂欲勝解念定慧所緣事不同

善謂信慚愧無貪等三根勤安不放逸行捨及不害

煩惱謂貪瞋癡慢疑惡見隨煩惱謂忿恨覆惱嫉慳

誑諂與害驕無慚及無愧掉舉與惛沈不信并懈怠

放逸及失念散亂不正知不定謂悔眠尋伺二各二

依止根本識五識隨緣現或俱或不俱如濤波依水

意識常現起除生無想天及無心二定睡眠與悶絕

**The Thirty Verses of Vasubandhu**

**(Triṁśikāvijñaptikārikāḥ)**

**Thích Nhất Hạnh** **Thích Nhất Hạnh**



**(English)** **(Tiếng Việt)**

**Hsuan Tsang**

唯識三十頌

1. vijñānapariṇāmo 'yaṁ vikalpo yadvikalpyate | tena tannāsti tenedaṁ sarvaṁ vijñaptimātrakam ||
2. sarvabījaṁ hi vijñānaṁ pariṇāmastathā tathā | yātyanyonyavaśād yena vikalpaḥ sa sa jāyate ||
3. karmaṇo vāsanā grāhadvayavāsanayā saha | kṣīṇe pūrvavipāke 'nyadvipākaṁ janayanti tat ||
4. yena yena vikalpena yadyad vastu vikalpyate | parikalpita evāsau svabhāvo na sa vidyate ||
5. paratantrasvabhāvastu vikalpaḥ pratyayodbhavaḥ | niṣpannastasya pūrveṇa sadā rahitatā tu yā ||
6. ata eva sa naivānyo nānanyaḥ paratantrataḥ | anityatādivad vācyo nādṛṣṭe 'smin sa dṛśyate ||
7. trividhasya svabhāvasya trividhāṁ niḥsvabhāvatām | saṁdhāya sarvadharmāṇāṁ deśitā niḥsvabhāvatā ||
8. prathamo lakṣaṇenaiva niḥsvabhāvo 'paraḥ punaḥ | na svayaṁ bhāva etasyetyaparā niḥsvabhāvatā ||

The transformation of consciousness is *mere* *construction*. What is constructed does not havereal existence. So everything is *mere* *manifestation*.

Consciousness is the totality of the seeds. Transformation takes place in the way it does because of a reciprocal influence; out of this, the different constructions arise.

The habit-energy of actions, with the habit-energy of dual-grasping, give rise to another maturation, when the former maturation has been exhausted.

Whatever range of events is constructed by whatever construction, it is just the constructed. Its nature is non-existent.

The nature of the *interdependent* is born from the discernment of conditions. The *absolute* is the state when the interdependent is separated forever from the *constructed*.

Therefore it is neither different nor non- different from the interdependent, just like impermanence, etc. when the one is not seen the other is not.

The non-nature of dharmas has been taught only in connection with the three non-natures of the three natures.

The first is a non-nature because of its own character. The second is a non-nature because it does not exist by itself. The third is the absence of its own nature.

Thức chuyển hiện làm nên

Phân biệt, bị phân biệt

Do đó đều là không

Tất cả chỉ là thức Vì thức đủ hạt giống

Nên chuyển hiện mọi cách

Nhờ sức triển chuyển ấy

Mọi thứ phân biệt sanh

Vì tập khí của nghiệp

Và tập khí nhị thủ

Khi dị thục trước hết

Các dị thục sau sinh.

Do chủ thể biến kế

Có đối tượng biến kế

Tự tính biến kế chấp

Vốn là không thật có.

Tự tính y tha khởi

Do phân biệt duyên sinh

Tự tính viên thành thật

Là lìa hẳn tính trước

Nên nó cùng y tha

Không khác, không không khác

Như các tính vô thường

Không nầy cũng không kia.

Từ ba tự tính nầy

Lập nên ba vô tánh

Vì thế mật ý nói

Mọi pháp đều vô tánh

Cái đầu là vô tánh

Vì tự thân là không

Cái nhì là vô tánh

Vì không tự có được

是諸識轉變分別所分別由此彼皆無故一切唯識

由一切種識如是如是變以展轉力故彼彼分別生

由諸業習氣二取習氣俱前異熟既盡復生餘異熟

由彼彼遍計遍計種種物此遍計所執自性無所有

依他起自性分別緣所生圓成實於彼常遠離前性

故此與依他非異非不異如無常等性非不見此彼

即依此三性立彼三無性故佛密意說一切法無性

初即相無性次無自然性後由遠離前所執我法性

**The Thirty Verses of Vasubandhu**

**(Triṁśikāvijñaptikārikāḥ)**

**Thích Nhất Hạnh** **Thích Nhất Hạnh**



**(English)** **(Tiếng Việt)**

**Hsuan Tsang**

唯識三十頌

1. dharmāṇāṁ paramārthaśca sa yatastathatāpi saḥ | sarvakālaṁ tathābhāvāt saiva vijñaptimātratā ||
2. yāvadvijñaptimātratve vijñānaṁ nāvatiṣṭhati | grāhadvayasyānuśayastāvanna vinivartate ||
3. vijñaptimātramevedamityapi hyupalambhataḥ | sthāpayannagrataḥ kiṁcit tanmātre nāvatiṣṭhate ||
4. yadālambanaṁ vijñānaṁ naivopalabhate tadā | sthitaṁ vijñānamātratve grāhyābhāve tadagrahāt ||
5. acitto 'nupalambho 'sau jñānaṁ lokottaraṁ ca tat | āśrayasya parāvṛttirdvidhā dauṣṭhulyahānitaḥ ||
6. sa evānāsravo dhāturacintyaḥ kuśalo dhruvaḥ |

sukho vimuktikāyo 'sau dharmākhyo 'yaṁ mahāmuneḥ ||

It is the ultimate truth of all dharmas; it is also suchness. Since it is always things just as they are, that is why it is mere manifestation.

As long as consciousness does not dwell within the nature of mere manifestation, the residues of dual-grasping cannot come to an end.

Although there may be the perception: “All this is mere manifestation,” because this still involves an object of perception in front of it, it does not yet really dwell in “merely-that.”

But when mind no longer grasps an object of consciousness, it will stop at mere consciousness. For without any object to grasp, there is no longer any grasping.

It is without discrimination and without attainment, that the supramundane wisdom (operates.) When the double incapacity is abandoned, transformation at the base is realized.

It is the realm of no difficulty, inconceivable, beneficial, stable, bliss, the body of liberation, called the Dharma-body of the Great Sage.

Cái ba là vô tánh

Vì thắng nghĩa các pháp

Vẫn là tánh chân như

Và thật tánh duy biểu

Khi còn chưa an trú

Trong thể tánh duy biểu

Thì tùy miên nhị thủ

Vẫn chưa thể phục diệt

Dù bảo trú thức tánh

Nhưng nếu còn đối tượng

Thì vẫn chưa thật trú

Vì còn có sở đắc.

Nhưng khi nơi đối tượng

Trí không thấy sở đắc

Thì thật trú thức tánh

Vì nhị thủ đã lìa.

Là vô tâm, vô đắc

Nên là trí xuất thế

Chuyển đổi được sở y

Nhờ lìa hai thô trọng.

Là cảnh giới vô lậu

Bất tư nghì, thiện, thường An lạc, giải thoát thân Ấy pháp Mâu Ni lớn.

此諸法勝義亦即是真如常如其性故即唯識實性

乃至未起識求住唯識性於二取隨眠猶未能伏滅

現前立少物謂是唯識性以有所得故非實住唯識

若時於所緣智都無所得爾時住唯識離二取相故

無得不思議是出世間智捨二麤重故便證得轉依

此即無漏界不思議善常安樂解脫身大牟尼名法